

Số: 4788 /UBND-TH

Bình Định, ngày 11 tháng 07 năm 2023

V/v báo cáo tình hình SXKD,
tình hình tài chính và kiến nghị
giải pháp của người đại diện
phần vốn nhà nước quý II/2023
tại DN theo Nghị định số
32/2018/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 và Quyết định số 1405/QĐ-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định quý II năm 2023, cụ thể như sau:

I. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định tính đến ngày 30/6/2023:

1. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:
 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định;
 - Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn;
 - Công ty cổ phần Môi trường Bình Định.
2. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:
 - Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định;
 - Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định.

II. Báo cáo tình hình SXKD, tình hình tài chính tại doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo chi tiết về tình hình SXKD, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp của người đại diện phần vốn nhà nước trong quý II/2023 của các doanh nghiệp bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp về tình hình SXKD, tình hình tài chính của 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 02 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định trong quý II/2023:
Theo phụ lục I đính kèm;

- Báo cáo của người đại diện phần vốn nhà nước tại 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 02 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới

50% vốn điều lệ về tình hình SXKD, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp trong quý II/2023: *Theo báo cáo của 05 doanh nghiệp đính kèm.*

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục TCDN – BTC (để báo cáo);
- PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SXKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ DƯỚI 50% VỐN ĐIỀU LỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH QUÝ II/2023

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /7/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng tài sản				Vốn chủ sở hữu				Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	429.276	22.571	451.847	19.890	182.146	9.645	191.791	22.604	124.108	0	124.108	0
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	379.928	7.044	386.972	18.132	22.655	0	22.655	0	15.171	0	15.171	0
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	156.039	-2.359	153.680	-17.012	48.489	1.444	49.933	3.958	34.271	0	34.271	0
4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	1.866.364	-96.412	1.769.952	-46.858	1.427.662	-151.594	1.276.068	12.690	748.836	0	748.836	0
5	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	225.863	-3.080	222.783	-16.309	210.810	1.319	212.129	-5.484	123.926	0	123.926	0
TỔNG CỘNG		3.057.470	-72.236	2.985.234	-42.157	1.891.762	-139.186	1.752.576	33.768	1.046.312	0	1.046.312	0

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/04/2023;
- Lũy kế đến kỳ báo cáo là lũy kế số phát sinh đến kỳ báo cáo.

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ				Vốn góp của nhà nước				Tổng doanh thu				Tổng lợi nhuận trước thuế			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	124.108	0	124.108	0	63.295	0	63.295	0	60.697	73.404	134.101	134.101	10.449	14.402	24.851	24.851
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	15.171	0	15.171	0	7.737	0	7.737	0	25.617	23.010	48.627	48.627	1.554	1.429	2.983	2.983
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	34.271	0	34.271	0	17.478	0	17.478	0	30.697	27.715	58.412	58.412	1.878	1.877	3.755	3.755
4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	748.836	0	748.836	0	99.885	0	99.885	0	366.919	431.228	798.147	798.147	70.000	76.323	146.323	146.323
5	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	123.926	0	123.926	0	30.981	0	30.981	0	24.524	19.706	44.230	44.230	2.600	3.400	6.000	6.000
TỔNG CỘNG		1.046.312	0	1.046.312	0	219.376	0	219.376	0	508.454	575.063	1.083.517	1.083.517	86.481	97.431	183.912	183.912

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Lũy lũy kế				Thuế và các khoản phát sinh phải nộp				Thuế GTGT			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)=(39)+(43) +(47)+(51)+(55)	(36)=(40)+(44) +(48)+(52)+(56)	(37)=(41)+(45) +(49)+(53)+(57)	(38)=(42)+(46) +(50)+(54)+(58)	-39	(40)	(41)	(42)
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	6.794	6.727	13.521	13.521	1.851	1.051	2.902	2.902
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	1.272	698	1.970	1.970	1.027	300	1.327	1.327
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	2.483	3.045	5.528	5.528	1.747	2.277	4.024	4.024
4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	29.217	28.268	57.485	57.485	10.898	4.339	15.237	15.237
5	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	3.528	5.081	8.609	8.609	1.019	792	1.811	1.811
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	43.294	43.819	87.113	87.113	16.542	8.759	25.301	25.301

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Thuế TTĐB				Thuế TNDN				Cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của NN (nếu có)				Các khoản thuế phí phải nộp khác			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo
(1)	(2)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	2.105	2.896	5.001	5.001	0	0	0	0	2.838	2.780	5.618	5.618
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	206	286	492	492	0	0	0	0	39	112	151	151
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	376	375	751	751	0	0	0	0	360	393	753	753
4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	13.266	16.663	29.929	29.929	0	0	0	0	5.053	7.266	12.319	12.319
5	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	520	680	1.200	1.200	0	0	0	0	1.989	3.609	5.598	5.598
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	16.473	20.900	37.373	37.373	0	0	0	0	10.279	14.160	24.439	24.439